

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13/2022/DS-ST**

Ngày: 20/4/2022.

*“V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Tôn Minh Nhật – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST- DS, ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Giá Ngự, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Minh Hưng, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Đặng Bạch H, sinh năm 1966 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hà Văn B, sinh năm 1962 (chồng bà H - có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh Hưng, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 14/8/2018 vợ chồng ông Hà Văn Bôi, bà Đặng Bạch Huệ (sau đây gọi tắt là ông B, bà H) vay bà Trần Thị T (gọi tắt là bà T) 05 (năm) chỉ vàng 24k. Đến ngày 16/9/2019 vợ chồng ông B, bà H vay thêm bà T 10 (mười) chỉ vàng 24k, tổng cộng hai lần vay là 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%). Từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông B, bà H không có trả vàng cho bà T, bà T nhiều lần đòi vàng vợ chồng ông B, bà H nhưng ông, bà lần lượt hứa hẹn đến nay vẫn không trả. Bà T yêu cầu vợ chồng ông B, bà H trả một lần dứt nợ là 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k (loại 98%), không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Đặng Bạch Huệ trình bày: Vợ chồng bà H, ông B thừa nhận ngày 14/8/2018 có vay bà Tuyết 05 chỉ vàng 24k. Đến ngày 16/9/2019 vợ chồng bà H, ông B vay tiếp bà T 10 chỉ vàng 24k, tổng cộng là 15 chỉ vàng 24k. Hiện vợ chồng bà H, ông B còn nợ bà T 15 chỉ 24k (loại vàng 98%). Do bà H đang khó khăn về kinh tế nên bà xin trả cho bà T mỗi năm 03 (ba) chỉ vàng 24k cho đến khi hết số nợ. Bắt đầu trả nợ ngày 30/12/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn B trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2022 của ông B trình bày, vợ chồng ông B, bà H thời gian từ năm 2018 đến năm 2019 có vay bà T tổng cộng 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%), nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả cho bà T mỗi năm 03 (ba) chỉ vàng 24k cho đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả nợ vào ngày 30/12/2022.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T yêu cầu vợ chồng ông B, bà H trả một lần dứt nợ là 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k (loại 98%).

Bị đơn bà H đồng ý trả cho bà Tuyết 15 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%), nhưng bà xin trả cho bà T mỗi năm là 03 (ba) chỉ vàng 24k cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà H, ông B trả cho bà Tuyết 15 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

Buộc vợ chồng bà H, ông B chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo

quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Đương sự có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng nên căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị T với bị đơn bà Đặng Bạch H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn B là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu vợ chồng ông Hà Văn B, bà Đặng Bạch H trả 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

[3]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Hà Văn B.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa vợ chồng ông B, bà H đều thừa nhận trong thời gian từ ngày 14/8/2018 đến ngày 16/9/2019 vợ chồng bà H, ông B có vay bà Tuyết 15 chỉ vàng 24k. Hiện vợ chồng bà H, ông B còn nợ bà Tuyết là 15 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%). Do vợ chồng ông B, bà H đang khó khăn về kinh tế nên ông, bà đồng ý trả cho nguyên đơn 15 chỉ vàng 24k, với hình thức mỗi năm trả cho nguyên đơn 03 (ba) chỉ vàng 24k cho đến khi hết số nợ. Bắt đầu trả nợ ngày 30/12/2022 nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy về tổng số nợ hai bên đã thống nhất, thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX công nhận lời trình bày của các đương sự là đúng sự thật. Hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ.

HĐXX cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “Tòa án không tự án định trong bản án, quyết định thời điểm

hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành”. Do đó, việc vợ chồng ông B, bà H xin trả nợ cho bà T với hình thức mỗi năm 03 chỉ vàng 24k là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Từ những cơ sở trên thấy rằng vợ chồng ông B, bà H là bên đi vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà H trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Buộc vợ chồng ông B, bà H trả cho bà T 15 chỉ vàng 24k (vàng 98%). Cũng như chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ.

Lãi suất các bên thỏa thuận bằng miệng là 01 ly/chỉ/tháng, nhưng từ khi vay đến nay vợ chồng ông B, bà H không có trả tiền lãi cho bà T; trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà T không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của phía nguyên đơn bà T được chấp nhận nên vợ chồng ông B, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $15 \text{ chỉ vàng } 24k \times 5.350.000\text{đ/chỉ} \times 5\% = 4.012.000 \text{ đồng}$ (bốn triệu, không trăm mười hai nghìn đồng).

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn bà Đặng Bạch H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn B về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng ông Hà Văn B, bà Đặng Bạch H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

Các bên trực tiếp giao nhận vàng hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi

hành án (đối với số vàng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả số vàng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Vợ chồng ông Hà Văn B, bà Đặng Bạch H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.012.000đ (bốn triệu, không trăm mười hai nghìn đồng).

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hà Văn Bồi vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Danh Hoàng